|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN ĐẮK SONG**TRƯỜNG TH LÊ VĂN TÁM**Số: 32 /BC-LVT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Đắk N’Drung, ngày 29 tháng 5 năm 2023* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết thực hiện nhiệm vụ**

**ứng dụng CNTT và thống kê giáo dục năm học 2022 – 2023**

# Tình hình chung (đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn):

1. Đặc điểm tình hình

Trường Tiểu học Lê Văn Tám được thành lập theo quyết định 357/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Song. Trường đóng chân trung tâm 4 bon phần đa là người dân tộc thiểu số, học sinh trường có trên 86% là học sinh dân tộc. Điều kiện kinh tế của người dân còn nhiều khó khăn. Năm học 2022-2023 quy mô trường như sau:

Toång soá biên chế được giao 24; số CBGV CNV biên chế hiện có: 22 người và 1 bảo vệ hợp đồng 68; nữ: 14, dân tộc 7; nữ dân tộc: 4;

Trình độ chuyên môn: Đại học: 19 người; Cao đẳng:01 người; THSP: 2 người và bảo vệ không chuyên nghiệp

Ban giám hiệu: 1; Khối văn phòng: 2 (thiết bị-thủ quỹ; kế toán- văn thư); Tổng phụ trách: 1; Giáo viên : 18, trong đó giáo viên chung:14; chuyên ngành 4: (gồm :Anh văn 01; thể dục 1; Mỹ thuật 1; âm nhạc).

**- Ưu điểm:**

       + Nhà trường chú trọng bồi dưỡng và tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh có kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học hàng ngày.

         + Trong quản lý giáo dục, nhà trường đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ Sở GDĐT, Phòng GDĐT đến nhà trường. Hiện nay đã số hóa và định danh dữ liệu của giáo viên và học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua cũng đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn trường. Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lý trường học, duyệt giáo án qua Drive và VN.Edu và hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên đều vận dụng tốt.

          + Về nhân lực, nhà trường triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, môn Tin học được đưa vào giảng dạy bắt buộc ngay từ lớp 3 và 100% học sinh lớp 3 được học Tin học 01 tiết/ tuần; mô hình giáo dục STEM bước đầu giáo viên được tiếp cận, tiến tới dạy lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống.

          + Về dạy - học, 100% giáo viên toàn trường sử dụng tương đối thành thạo CNTT; tham gia, đóng góp chia sẻ học liệu vào kho học liệu số của nhà trường và của ngành giáo dục; tham gia làm bài giảng điện tử, tham gia xây dựng ngân hàng đề, câu hỏi trắc nghiệm, góp phần xây dựng xã hội học tập và đẩy mạnh việc học tập suốt đời.

**- Tồn tại, hạn chế**

+ Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT, đường truyền, dịch vụ Internet chưa đồng bộ, chưa ổn định.

+ Nhân lực về công nghệ chưa có, giáo viên còn thiếu nên công tác xây dựng: Số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo khai thác học liệu số đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của giáo viên và học sinh chủ yếu là tự tìm hiểu, tự học hỏi, hoặc chủ động nghiên cứu thực hiện theo văn bản chỉ đạo cấp trên nên khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập.

+ Năng lực tin học của CBGVNV còn hạn chế nên việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin còn gặp nhiều vất vả.

# II. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ

**1. Công tác chỉ đạo điều hành**

Trường đã tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm, thông suốt về tư tưởng và quyết tâm hợp lực thực hiện chuyển đổi số trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Khai thác CSDL ngành, các dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân; thực hiện số hóa triệt để, sử dụng văn bản điện tử, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, giao dịch, họp, tập huấn được vận dụng tối đa trên môi trường mạng.

Nhà trường đã phân công phụ trách mảng công nghệ thông tin và triển khai các văn bản chỉ đạo của ngành đến đội ngũ CBGV-NV nhà trường thực hiện các nhiệm vụ được giao.

 Đồng thời lên kế hoạch Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trường Tiểu học Lê Văn Tám giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

#  Một số kết quả nổi bật về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số

# Nhà trường đã tiến hành lưu trữ và công khai thông tin cũng như tuyên truyền qua mã QR.

Các thông tin được truyền tải nhanh, chính xác, các minh chứng hồ sơ được tối giản.

# Một số kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cụ thể:

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung | Trả lời |
| **3.1.Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá** |  |  |
| **Kết quả triển khai hình thức dạy học trực tuyến, dạy học trực tuyến kết hợp dạy học trực tiếp:** |  |  |
| Duy trì sử dụng hệ thống đào tạo trực tuyến (LMS) | Có |  |
| Triển khai thi, kiểm tra, đánh gi trên phòng máy tính |  | Không |
| Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có bao nhiêu? |  | Không |
| Học liệu năm học 2022-2023 xây dựng được: …. học liệu |  | Không |
| 3.2. Kết quả ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong đổi mới phương thức quản trị CSGD và quản lý nhà nước về giáo dục |  |  |
| Triển khai phần mềm quản trị trường học | Có |  |
| Triển khai sổ điểm điện tử, học bạ điện tử |  | Không |
| Triển khai chữ ký số | Có |  |
| Số giáo viên đã được cấp chữ ký số: …….. giáo viên |  | Không |
| Triển khai dịch vụ thu phí dịch vụ giáo dục theo hình thức không dùng tiền mặt |  | Không |
| 3.3. Hạ tầng, thiết bị phục vụ dạy tin học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số |  |  |
| Có mạng wifi cung cấp miễn phí cho cán bộ, giáo viên và học sinh | Có |  |
| Có phòng phát triển học liệu (phòng studio) | Có |  |
| Đáp ứng yêu cầu dạy môn tin học theo mức nào (1, 2 hoặc 3) theo QĐ4725 | Mức 3 |  |
| 3.4.Việc tổ chức triển khai công tác báo cáo thống kê CSDL |  |  |
| Báo cáo thống kê kỳ đầu năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng hạn |  |
| Báo cáo thống kê kỳ cuối năm (Đúng hạn, trễ hạn) | Đúng hạn |  |
| 3.5. Phát triển nguồn nhân lực số phục vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số | Số lượng | Tỉ lệ |
| Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến | 18 | 100% |
| Số lượng giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng e- Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số | 18 | 100% |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị | 21 | 100% |
| Số lượng cán bộ, giáo viên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin | 21/21 | 100=% |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhóm tiêu chí** | **Mức chưa đáp ứng (Mức độ 1)** | **Mức đáp ứng cơ bản****(Mức độ 2)** | **Mức đáp ứng tốt (Mức độ 3)** |
| Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % | Số lượng | Tỷ lệ % |
| **1** | **Chuyển đổi số trong dạy, học** | 2 | 40% | 0 |  | 3 | 60% |
| **2** | **Chuyển đổi số trong quản trị CSGD** | 1 | 50% | 0 |  | 1 | 50% |

* 1. Khó khăn, vướng mắc

- Thiếu nhận sự chuyên môn về công nghệ, nhất là các trường thiếu nhân viên văn thư hỗ trợ.

* 1. Kiến nghị, đề xuất

# - Sớm bổ sung thêm biên chế công nghệ thông tin.

#  Dự kiến nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chính về triển khai ứng dụng CNTT năm học 2023-2024

*\* Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức*

- Tiếp tục thực hiện các nội dung Kế hoạch số 261/KH-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện Quyết định số 131/QĐ- TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 01/11/2022 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tới toàn thể cán bộ, công chức viên chức và người lao động trong toàn trường với hình thức phù hợp.

***\* Xây dựng văn bản, hướng dẫn để chuyển đổi số***

Phân công hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số tại trường.

Rà soát, bổ sung các văn bản hướng dẫn, quy định chung áp dụng trong phạm vi nhà trường, phù hợp với quy định của pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT hàng năm; hướng dẫn về xác thực điện tử trong ngành Giáo dục...

***\* Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu ngành***

Xây dựng và phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành tích hợp, đồng bộ với các hệ thống phần mềm quản lý nhà trường.

Từng bước xây dựng, phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các hệ thống CSDL khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong ngành Giáo dục và Đào tạo và mạng thông tin giáo dục quốc gia.

***\* Xây dựng nền tảng số***

- Chủ động áp dụng các giải pháp phù hợp với nền tảng phát triển kỹ năng số, tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng số trực tuyến trên quy mô của nhà trường.

- Lựa chọn các các nền tảng siêu ứng dụng di động, có khả năng đồng bộ với các hệ thống thông tin của ngành để cung cấp các dịch vụ giáo dục, hướng tới mạng xã hội dịch vụ giáo dục.

***\* Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng***

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chuyển đổi nhận thức và hành động nâng cao ý thức, trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

Trên đây là Báo cáo triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Trường Tiểu học Lê Văn Tám.

**Nơi nhận:                                                                   HIỆU TRƯỞNG**

- Phòng GD-ĐT (để b/cáo);

- Tổ trưởng CM (để thực hiện);

- HT;

- Lưu: VT.

 **Hoàng Thị Thanh Huyền**

**.**

**PHỤ LỤC**

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Kết quả hội đồng tự đánh giá (các trường Tiểu học và Trung học cơ sở)** |
| **Chuyển đổi số trong dạy, học (100 điểm)** | **Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục (100 điểm)** | **Điểm****Dạy học** | **Điểm****Quản trị** | **Tổng** |
| **Tên đơn vị** | 1.1(có/không) | 1.2(có/không) | 1.3 (30đ) | 1.4 (10đ) | 1.5 (20đ) | 1.6 (20đ) | 1.7 (20đ) | 2.1(có/không) | 2.2(có/không) | 2.3 (70đ) | 2.4(30đ) |
| 1 | Trường  | có | có |  16 |  3 | 0  |  20 |  20 | có | có |  50 |  3 | **59** | **53** | **112** |